

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29/11/2018.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Mỹ. C/v: Hiệu trưởng trường dân tộc nội trú.

2. Bà Trịnh Thị Oanh. C/v: Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hiệt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 297/2017/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2017 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12/11/2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Thôn 19, xã B, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

Bị đơn: Chị Hà Kim L, sinh năm: 1998.

Địa chỉ: Thôn 7B, xã P, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*** Ngày 19/10/2017, nguyên đơn anh Hoàng Văn T làm đơn khởi kiện Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với chị Hà Kim L với nội dung như sau:** Tôi (Hoàng Văn T) và chị Hà Kim L xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tình yêu tự nguyện, chúng tôi về chung sống với nhau từ năm 2016 nhưng không đăng ký kết hôn. Ngày 08/6/2017, chúng tôi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình chung sống, vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình của chị L ương bướng, nóng nảy nên vợ chồng không có tiếng nói chung. Mỗi lần vợ chồng cãi nhau, chị L bế con bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể cứu vãn được. Tháng 6/2017, sau khi vợ chồng cãi nhau, chị L bế con về nhà mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên tôi làm đơn xin ly hôn với chị Hà Kim L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, tôi và chị Lợi có 01 con chung, cháu Hoàng Gia H, sinh ngày 21/9/2016. Sau khi tôi và chị Lợi sống ly thân thì chị L là người trực tiếp nuôi cháu H. Từ tháng 9/2018 đến nay chị L bế cháu H về giao lại cho tôi nuôi dưỡng. Nguyên vọng của tôi là xin được nuôi cháu H cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, tôi không yêu cầu chị Hà Kim L trợ cấp tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai 14/12/2017, biên bản hòa giải ngày 20/9/2018 bị đơn chị Hà Kim L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Hà Kim L) và anh Hoàng Văn T xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tình yêu tự nguyện, chúng tôi về chung sống với nhau từ năm 2016 nhưng không đăng ký kết hôn. Ngày 08/6/2017, chúng tôi đăng ký kết hôn tại Ủy UBND xã P, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Tháng 8/2017, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhỏ, anh T gọi điện cho mẹ tôi bảo mẹ tôi sang đón tôi về nhà ở. Do đó tôi bế con về nhà mẹ đẻ sinh sống, Từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay tôi vẫn còn tình cảm với anh T nên tôi không đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng tôi có 01 con chung, cháu Hoàng Gia H, sinh ngày 21/9/2016. Sau khi tôi bế con về nhà mẹ đẻ sinh sống thì tôi là người trực tiếp nuôi cháu H. Nguyên vọng của tôi là xin được nuôi cháu H cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi và yêu cầu anh T trợ cấp tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn; Triệu tập nguyên đơn, bị đơn đến Tòa án lập bản tự khai, tham gia phiên họp về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T và chị L không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận:

- Nguyên đơn anh Hoàng Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với chị Hà Kim L; Về con chung: Do chị L mang cháu H giao cho tôi chăm sóc nuôi dưỡng từ tháng 9/2018 cho đến nay, chị L cũng không đến thăm con. Do vậy tôi đề nghị HĐXX giao cháu H cho tôi chăm sóc nuôi dưỡng, tôi không yêu cầu chị L trợ cấp tiền nuôi con.

- Bị đơn chị Hà Kim L vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của BLTTDS. Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình (HNGĐ) đề nghị HĐXX tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn T. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Hoàng Văn T và chị Hà Kim L. Về nuôi con chung: Giao con cháu Hoàng Gia H, sinh ngày 21/9/2016 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Hoàng Văn T không yêu cầu chị Hà Kim L trợ cấp tiền nuôi con chung nên không đề cập đến để giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét về hình thức: Căn cứ đơn khởi kiện của anh Hoàng Văn T lập ngày 19/10/2017, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Xét thấy tại thời điểm anh Hoàng Văn T làm đơn khởi kiện, bị đơn chị Hà Kim L đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại Thôn 7B, xã P, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Xét thấy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn chị Hà Kim L Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy báo tham gia phiên tòa nhưng chị Hà Kim L vắng mặt lần thứ hai. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của BLTTDS, Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hoàng Văn T xin ly hôn chị Hà Kim L, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định: Anh T và chị L sống chung với nhau từ năm 2016. Đến ngày 08 tháng 6 năm 2017 anh T chị L đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện P, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên trong quá trình chung sống, vợ chồng sống không hạnh phúc. Theo lời trình bày của anh T, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình chị L ương bướng, nóng nảy và thường hay tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Theo ý lời trình bày của chị L thì vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, nên chị L xin được đoàn tụ.

Do lời trình bày của anh T và chị L mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân, để có cơ sở pháp lý giải quyết vụ án, ngày 16/4/2018 Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa anh Hoàng Văn T và chị Hà Kim L (Bút lục số 25, 26). Kết quả ban tự quản Thôn 19, xã B, huyện P, tỉnh Đắk Lắk cung cấp như sau: “Anh Hoàng Văn T và chị Hà Kim L về chung sống với nhau từ năm 2016. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì ban tự quản thôn 19 không biết. Đến tháng 8/2017 chị L bế con về nhà mẹ đẻ tại thôn 7B, xã P ở hai vợ chồng sống ly thân không quan tâm chăm sóc lẫn nhau”.

Căn cứ vào kết quả xác minh cũng như lời trình bày của anh T đã có đủ căn cứ xác định: Trong quá trình chung sống anh T và chị Hà Kim L có mâu thuẫn, tháng 8/2017 chị L đã bế cháu H về sinh sống tại nhà mẹ đẻ tại thôn 7B, xã P. Từ tháng 8/2017 đến nay, anh T và chị L sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Điều đó chứng minh tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị L đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho anh Hoàng Văn T được ly hôn với chị Hà Kim L là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong quá trình chung sống Anh Hoàng Văn T và chị Hà Kim L có 01 con chung, cháu Hoàng Gia H, sinh ngày 21/9/2016. Anh T và chị L đều có nguyện vọng xin được nuôi con chung.

Xét thấy khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”.

Xét thấy tại thời điểm mở phiên tòa cháu Hoàng Gia H mới được 02 tuổi 04 tháng 08 ngày. Do vậy căn cứ vào điều luật viện dẫn nêu trên, thì HĐXX sẽ giao con cho chị Hà Kim L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, theo lời trình bày của anh T thì từ tháng 9/2018, chị L từ chối quyền nuôi con của mình, đã giao cháu Huy cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng từ tháng 9/2018 đến nay. Việc anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H được Ban tự quản thôn 19 và UBND xã B xác nhận (Bút lục số 41).

Căn cứ vào nguyện vọng của anh Hoàng Văn T xin được nuôi cháu H và điều kiện thực tế hiện nay cháu H đang được anh T chăm sóc nuôi dưỡng. Việc anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, đảm bảo quyền lợi cho cháu H nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Hoàng Gia H cho anh Hoàng Văn T chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế.

Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa anh Hoàng Văn T không yêu cầu chị Hà Kim L cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Hoàng Văn T, chị Hà Kim L không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

* Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2016/0002440 ngày 01 tháng 11 năm 2017.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tổ tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Hoàng Văn T và chị Hà Kim L.

- Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Hoàng Gia H, sinh ngày 21/9/2016 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho khi cháu H đủ 18 tuổi.

Anh Hoàng Văn T không yêu cầu chị Hà Kim L trợ cấp tiền nuôi con chung nên không đề cập đến để giải quyết.

Chị Hà Kim L được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Hoàng Văn T, chị Hà Kim L không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2016/0002440 ngày 01 tháng 11 năm 2017.

Nguyên đơn Hoàng Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn chị Hà Kim L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- LưuHS;
- UBND xã B.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trương Quang Vinh